



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 48/2025

(25/11/2025 – 01/12/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI phục hồi tăng 291 điểm (↑12,6%) lên 2.600 điểm – con số ấn tượng và cao nhất trong vòng gần 2 năm từ tháng ngày 7/12/2023 (2.495 điểm). Chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần qua như sau: Chắc chắn các chủ sở hữu tàu Capesize đã có một tuần lễ khởi sắc với nụ cười thường trực khi được thị trường hỗ trợ, chỉ số tăng vọt 903 (↑15,88%) điểm lên 4.633 điểm – cũng là chỉ số cao nhất trong vòng 1 năm 11 tháng trở lại đây. Panamax giảm nhẹ 42 điểm (↓2,1%) còn 1.915 điểm. Trong khi đó, Supramax tăng 10 điểm (↑0,4%) lên 1.441 điểm và Handysize tăng 19 điểm (↑1,8%) lên 837 điểm – nhìn chung hai phân khúc này cơ bản đã thiết lập mặt đáy 2-3 tháng nay và duy trì xu hướng đi ngang. Hoạt động mua bán tàu nhộn nhịp và đa dạng. Giá Supramax vẫn duy trì mức cao. Ghi nhận tàu **Ince Kastamonu** (56.925 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, DD 04/2028, SS 04/2030) bán thành công với giá khoảng 12,75 triệu đô la Mỹ. Được biết, tháng 4 vừa qua chủ tàu Hy Lạp đã chi tiêu gần 2 triệu đô la Mỹ chi phí lên đà đặc biệt ở xưởng Cosco. Tàu già hơn hai tuổi **Jin Sui** (56.968 dwt, đóng 2008 Trung Quốc, DD 07/2026, SS 08/2028) được chủ tàu Hong Kong chốt với giá khoảng 10,3 triệu đô la Mỹ. Cách đây 2 tuần, tàu tương tự **Mandarin Eagle** (56.876 dwt, đóng 2008 Trung Quốc, DD 03/2026, SS 06/2028) cũng được bán thành công với giá khoảng 10,5 triệu đô la Mỹ. Sang phân khúc Handysize, chủ tàu Taylor Maritime bán tàu **Radiant Reb** (38.233 dwt, đóng 2012 Nhật, hầm hàng hộp, DD 01/2026, SS 12/2027) với giá khoảng 15,5 triệu đô la Mỹ. Hai tháng trước, tàu nhỏ hơn một chút **La Bamba** (37.155 dwt, đóng 2012 Nhật, hầm hàng hộp, DD/SS 04/2027) cũng được chốt với giá khoảng 15,4 triệu đô la Mỹ. Nhìn chung giá dạng này khá cao do nhu cầu của Người mua đối với dòng 33-38k dwt nhiều song không có nhiều ứng viên. Ở phân khúc 32k dwt, tàu **Sofia K** (32.115 dwt, đóng 2009 Nhật, D/SS 05/2027) được chủ tàu Hy Lạp chào tạm biệt với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ, vừa qua đà trung gian tại Việt Nam. Nếu so với tàu trẻ hơn một tuổi **Kallisti GS** (32.077 dwt, đóng 2010 Nhật, DD 12/2027, SS 02/2030) bán cách đây 2 tuần với giá khoảng 11,3 triệu đô la Mỹ thì giá tàu **Sofia K** nhỉnh hơn một chút và có lợi cho Người bán. Trong khi đó, Người mua cũng cân nhắc chốt tàu đóng Trung Quốc do chi phí rẻ hơn. Đơn cử tàu **Yangtze Ambition** (32.573 dwt, đóng 2011 Trung Quốc) được chốt thành công với giá khoảng 9 triệu đô la Mỹ - mức hợp lý do tàu cận đà đặc biệt 4/2026. Tuần trước tàu chị em trẻ hơn một tuổi **Yangtze Grace** (32.503 dwt, đóng 2012 Trung Quốc, DD/SS 06/2027) đã bán với giá khoảng 9,8 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, xu hướng ảm đạm có phần bao trùm, các dấu hiệu dư cung ngày càng gia tăng. Một số thành viên của tổ chức OPEC+ đã bắt đầu tự nguyện cắt giảm sản lượng và duy trì đến đầu năm 2026 (như Ả Rập Xê Út) để thị trường cân bằng hơn. Chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) ghi nhận giảm nhẹ từng ngày, bốc hơi 48 điểm (↓3,2%) còn 1.420 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng giảm 54 điểm (↓6,1%) còn 821 điểm. Dầu vậy, hoạt động mua bán tàu vẫn nhộn nhịp. Giá tàu, nhất là tàu giao ngay vẫn neo ở mức cao. Tuần qua các giao dịch tập trung chủ yếu ở phân khúc nhỏ từ MR trở xuống. Chủ tàu Hong Kong bán tàu chemical **LVM Warrior** (49.997 dwt, đóng 2015 Hàn Quốc, epox coated, DD 03/2028, SS 01/2030)

với giá khoảng 33,3 triệu đô la Mỹ. Mức này khá cao vì tàu đã lắp máy lọc khí (scrubber) vừa qua đà đặc biệt tháng 3/2025. Đầu tháng, tàu tương tự **Hellas Avatar** (49.997 dwt, đóng 2015, DD 09/2028, SS 09/2030) về tay Người mua Hy Lạp với giá chỉ khoảng 31,83 triệu đô la Mỹ. Người mua Trung Quốc chốt tàu **Kyra** (47.931 dwt, đóng 2006 Nhật, zinc silicate coated) với giá khoảng 11,5 triệu đô la Mỹ – mức này khá thấp dù là tàu chemical zinc silicate coated, do cận đà đặc biệt tháng 1/2026. Hai tháng trước, tàu product già hơn một tuổi **Jag Pooja** (48.539 dwt, đóng 2005 Nhật, DD 08/2026, SS 08/2028) được chốt với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Tàu chemical trẻ **Eco Revolution** (39.208 dwt, đóng 2016 xưởng Hyundai Vinashin Việt Nam, epoxy coated) về tay Người mua Montanari với giá xung quanh 28,7 triệu đô la Mỹ. Mức này có phần khiêm tốn nếu so với tàu chị em già hơn một tuổi **Eco Fleet** (39.208 dwt, đóng 2015 xưởng Hyundai Vinashin Việt Nam, epoxy coated DD/SS 07/2025) bán cho cùng Người mua Montanari tháng 3 đầu năm với giá khoảng 30 triệu đô la Mỹ so cũng khá cao trong thời điểm này.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Pacifist	2011	Japan	181,458	32.00	Undisclosed	DD/SS due 01/2026
Belgravia	2006	Korea	169,391	26.25	Chinese	Old sale, scrubber fitted, DD 10/2027, SS 10/2029
Xing He Sheng	2007	Japan	106,445	10.00	Undisclosed	DD/SS 03/2027
Peace Ark	2010	China	93,249	13.00	Undisclosed	DD 08/2028, SS 09/2030
Clia	2012	China	92,968	12.75	Undisclosed	DD/SS 04/2027
Key Frontier	2011	Japan	80,679	18.75	Undisclosed	DD/SS passed 05/2025, next DD 05/2028, SS 06/2030
The Strong	2004	China	74,823	6.85	Chinese	Old sale, DD due 12/2025, SS 08/2027
Ivestos 3	2007	China	74,456	8.80	Undisclosed	DD due 02/2026, SS 07/2027
CMB Jordaens	2019	Japan	63,447	30.00	Undisclosed	DD 08/2027, SS 09/2029
Seacon 7	2012	China	57,000	12.58	Undisclosed	Online bidding in China, DD/SS 11/2026
Jin Sui	2008	China	56,968	10.30	Chinese, Forever Winning Shipping	DD 07/2026, SS 08/2028
Ince Kastamonu	2010	China	56,925	12.75	Undisclosed	DD/SS passed 04/2025, next DD 04/2028, SS 04/2030
Federal Yellowstone	2013	China	37,153	14.50	Undisclosed	Ice class 1C, M/E MAN-B&W (made in Korea), DD 06/2027, SS 06/2029
Radiant Reb	2012	Japan	38,233	15.50	Undisclosed	OHBS, DD 01/2026, SS 12/2027
Union Groove	2012	Korea	35,064	13.80	Greek	DD passed 04/2025, next DD/SS 01/2027
Yangtze Ambition	2011	China	32,573	9.00	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS due 04/2026, Chinese owners

Sofia K	2009	Japan	32,115	11.00	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 05/2027, Greek owners
TANKERS						
Dennie	2000	Korea	308,491	30.00	Undisclosed	Converted vessel
Alraya	2005	Japan	300,390	45.00	Chinese	DD 03/2027, SS 03/2029
Sapphira	2008	Japan	149,876	37.00	Undisclosed	DD 04/2026, SS 02/2028
LVM Warrior	2015	Korea	49,997	33.30	Undisclosed	Scrubber fitted, chemical IMO II/III, epoxy coated, DD/SS passed 03/2025, next DD 03/2028, SS 01/2030
Minerva Lydia	2004	Japan	47,999	10.40	Undisclosed	DD 06/2027, SS 05/2029
Kyra	2006	Japan	47,931	11.50	Chinese	Chemical IMO III, zinc silicate coated, DD/SS due 01/2026
Glenda Meryl	2011	Korea	47,251	19.50	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD 06/2026, SS 08/2027
Uacc Manama	2010	Korea	45,612	24.00	Undisclosed	Old sale, chemical IMO II, DD/SS passed 09/2025, siloxirane coating renewed
Eco Revolution	2016	Hyundai Vinashin Vietnam	39,208	28.70	Montanari	DPP trading, chemical IMO II/III, epoxy coated, DD/SS due 01/2026
Angelina Amoretti	2004	China	23,740	6.00	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD passed 07/2025, next DD/SS 06/2027, Italian owners
Vs Lara	2006	Turkey	11,276	6.00	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS 02/2026
CONTAINERS						
Borkum	2023	China	24,769	36.90	Chinese	1930 teu, scrubber fitted, DD 10/2026, SS 10/2028
KR Celebes	2002	Korea	10,701	7.00	Undisclosed	728 teu, CR2X45T, DD/SS 11/2027
Charo B	1996	Germany	8,912	4.60	Undisclosed	Old sale, 749 teu, gearless, ice class 1A, DD/SS due 05/2026
OTHERS						
Gas Taurus	2016	China	53,765	80.00	Indonesian	DD/SS due 12/2025
Maingas	2001	Romania	3,467	3.50	Undisclosed	LPG, 3423 cbm, ice class 1C, DD/SS due 02/2026

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		11/2025	1M	3M	6M	12M

CAPESIZE

180k dwt	Resale	78.00	0%	3%	3%	3%	61.50
180k dwt	5 tuổi	65.00	1%	6%	3%	4%	45.75
170k dwt	10 tuổi	50.00	0%	8%	11%	14%	32.25
150k dwt	15 tuổi	29.00	5%	9%	5%	4%	20.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	39.50	0%	1%	3%	-2%	37.00
82k dwt	5 tuổi	33.00	2%	3%	3%	-6%	30.50
76k dwt	10 tuổi	26.00	0%	4%	6%	3%	21.50
74k dwt	15 tuổi	17.00	6%	6%	10%	5%	14.25

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	38.50	0%	1%	1%	-4%	35.00
58k dwt	5 tuổi	32.00	1%	2%	5%	-7%	26.25
56k dwt	10 tuổi	24.50	2%	7%	4%	-1%	19.25
52k dwt	15 tuổi	15.75	-2%	2%	5%	0%	13.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	33.00	0%	0%	0%	-4%	29.25
37k dwt	5 tuổi	26.50	0%	0%	6%	-2%	23.00
32k dwt	10 tuổi	20.25	-1%	-1%	11%	4%	15.50
28k dwt	15 tuổi	12.00	-2%	-2%	-2%	-6%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		11/2025	1M	3M	6M	12M

VLCC

310k dwt	Resale	148.00	0%	1%	2%	-1%	116.00
310k dwt	5 tuổi	118.00	0%	1%	3%	2%	88.50
250k dwt	10 tuổi	88.00	0%	1%	4%	2%	63.50
250k dwt	15 tuổi	59.00	0%	2%	2%	7%	45.00

SUEZMAX

160k dwt	Resale	97.50	4%	5%	4%	-2%	79.50
150k dwt	5 tuổi	80.00	5%	5%	4%	0%	61.75
150k dwt	10 tuổi	64.00	5%	5%	3%	-2%	46.25
150k dwt	15 tuổi	42.00	5%	5%	2%	-10%	30.00

AFRIMAX

110k dwt	Resale	80.00	7%	7%	7%	-6%	66.00
110k dwt	5 tuổi	67.50	8%	8%	8%	-4%	52.00
105k dwt	10 tuổi	55.00	10%	10%	10%	-4%	39.00
105k dwt	15 tuổi	36.00	6%	6%	6%	-10%	25.75

MR

52k dwt	Resale	53.00	0%	2%	8%	-7%	45.00
52k dwt	5 tuổi	43.00	0%	2%	10%	-9%	35.75
45k dwt	10 tuổi	33.00	3%	3%	10%	-11%	26.00
45k dwt	15 tuổi	19.00	3%	3%	3%	-27%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulkers	325,000 dwt	115.00	2	Hengli	Winning Shipping	2027-2028	Price per unit, ore carriers
Tankers	320,000 dwt	129.00	4	Hanwha (formerly Daewoo)	Maran Tankers	Nov 2028	Price per unit
Tankers	306,000 dwt	-	6	Hengli	Eastern Pacific	SH 2027-2028	
Tankers	300,000 dwt	130.00	4	Hyundai Samho	Ray Car Carriers	Sep 2029	Price per unit
Tankers	157,000 dwt	-	2	Hengli	-	2027-2028	
Tankers	50,000 dwt	45.00	2	CSHI Guangdong	Safety Management	2028	Price per unit
Tankers	40,800 dwt	40.30	2+1	Yangzhou Guoyo	Greece, Super Eco Tankers	FH 2028	Price per unit
LNG	174,000 cbm	254.00	2	Hyundai Samho	BW LNG	Q3-Q4 2028	Price per unit
Containers	13,400 teu	182.00	6	Hyundai Samho	Korea, HMM	Apr 2029	Price per unit
Containers	13,400 teu	182.00	4	Hyundai H.I.	Korea, HMM	Jul 2028	Price per unit
Containers	13,400 teu	183.00	2	Hanwha	Korea, HMM	Feb 2029	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	11/ 2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	0.00%	-4.67%	-5.92%
Panamax (77.000 dwt)	36.5	0.00%	-1.35%	-1.35%	-2.01%
Supramax (61.000 dwt)	33.5	0.00%	-1.47%	-1.47%	-3.60%
Handysize (37.000 dwt)	29.5	0.00%	-1.67%	-1.67%	-3.28%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	11/ 2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.00%	-2.29%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	0.00%	-0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	0.00%	-3.27%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	0.00%	-4.59%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

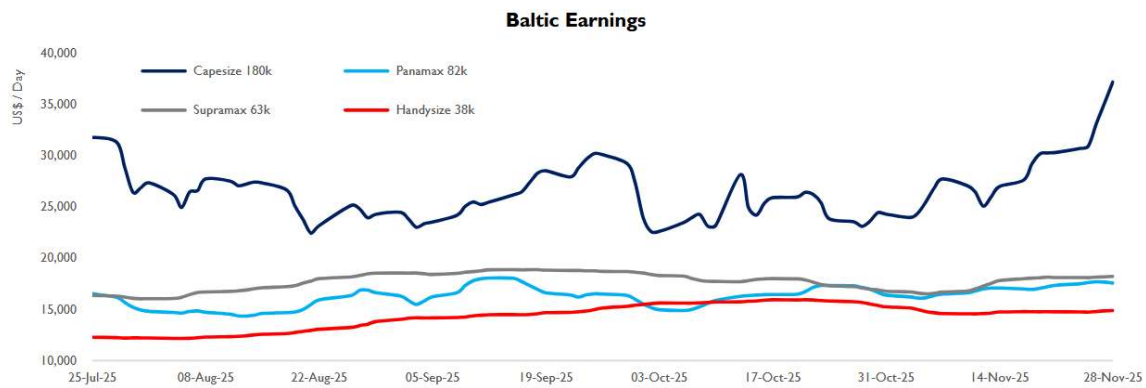
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 18.215 đô la Mỹ, tăng 117 đô la Mỹ so mức 18.098 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường Đại Tây Dương có một tuần yên tĩnh và khi mà các hoạt động vận tải giảm xuống do tiến gần đến Lễ Tạ Ơn. Ở Vịnh châu Mỹ, cước phí giảm nhẹ, trong khi Nam Đại Tây Dương giữ ổn định. Thị trường Continent - Địa Trung Hải thiếu nhu cầu thuê tàu mới, mặc dù có thông tin một tàu khoảng 64.000 dwt được chốt đi từ Continent qua vùng Baltic với mức cước khoảng 22.000 đô la Mỹ/ngày, mức này thấp hơn cước từ Baltic đến Brazil. Thị trường Thái Bình Dương vẫn tương đối sôi động. Nam Á tạo ra nhu cầu ổn định, trong khi Bắc Á giữ nguyên. Trong khi đó, Ấn Độ Dương mạnh lên, một tàu khoảng 63.000 dwt được thuê từ Mina Saqr đến Bồ Tây Ấn Độ với giá khoảng 24.500 đô la Mỹ/ngày.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 14.885 đô la Mỹ, tăng 125 đô la Mỹ so với mức 14.760 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường Đại Tây Dương duy trì ổn định, với cước phí mạnh được ghi nhận ở Nam Đại Tây Dương. Thị trường Continent và Địa Trung Hải có phần yếu đi một chút, mặc dù với tình trạng thiếu tàu, chúng ta có thể kỳ vọng cước phí sẽ tăng trở lại vào tuần tới. Nam Đại Tây Dương vẫn vững chắc với một lượng yêu cầu thuê tàu lạnh mạnh, cho phép các chủ tàu chốt mức cước phí cao ở mức khoảng 17.000-dưới 20.000 đô la Mỹ cho các chuyến vượt Đại Tây Dương từ Recalada đối với loại tàu Kanda 32. Vịnh châu Mỹ cũng trở nên vững hơn trước kỳ nghỉ Lễ Tạ ơn. Ở Thái Bình Dương, thị trường phần lớn giữ ở mức ổn định, chỉ chứng kiến một sự tăng nhẹ giữa tuần trước khi lại dịu xuống. Ở phía Bắc, số lượng tàu có ngày cố định tương đối eo hẹp, với các chủ tàu tìm kiếm mức phí cao hơn, đặc biệt cho các chuyến hàng thép quay đầu. Cước phí hàng rời nhìn chung được giữ ổn định, mặc dù có khả năng xu hướng giảm nhẹ. Các bên thuê tàu đã tăng giá chào thuê cho các tàu sẵn sàng đi ngay, đặc biệt ở phía Nam, nơi thời tiết xấu đã tạo ra sự eo hẹp về vị trí khi các tàu bị trễ hoặc có khả năng bị trễ hủy chuyến. Tâm lý chung hướng đến tuần tới vẫn còn lẫn lộn.

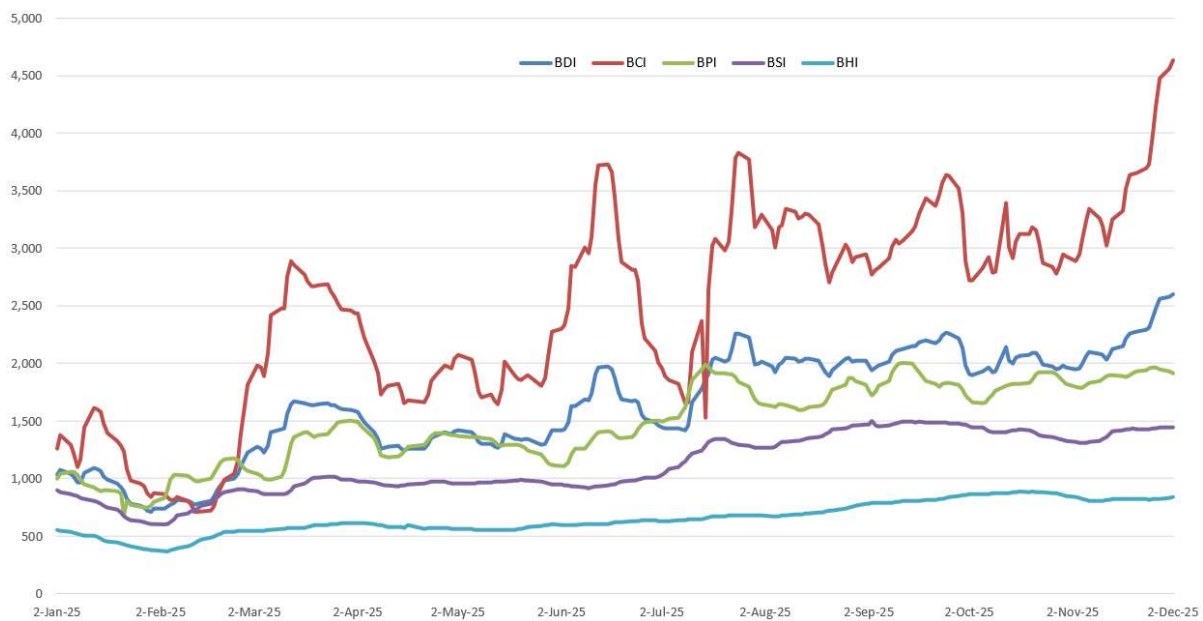
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 01/12/2025

	US\$/ngày	 / 
SUPRAMAX	16.181	 117
HANDIES 38K	18.885	 125

(so sánh với giá trị ngày 24/11/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 59,32 đô la Mỹ/thùng – tăng 1,32 % so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 63,17 đô la Mỹ/thùng – tăng 1,27%. Giá dầu tăng hơn 1% trong phiên giao dịch ngày đầu tuần do ảnh hưởng của các vụ tấn công bằng máy bay không người lái của Ukraine, việc Mỹ cảnh báo đóng cửa không phận Venezuela và quyết định của OPEC giữ nguyên kế hoạch khai thác dầu thô đến hết tháng 12/2026. Bên cạnh đó, OPEC và Diễn đàn các quốc gia xuất khẩu khí đốt (GECF) cảnh báo rằng tình trạng thiếu đầu tư kéo dài có thể dẫn đến những căng thẳng kéo dài đối với nguồn cung dầu và khí toàn cầu, trong bối cảnh nhu cầu tiếp tục tăng. Tiếp đó, việc bốc dỡ dầu thô từ dự án của Chevron tại Kazakhstan vẫn tiếp tục tại cảng CPC thuộc cảng Novorossiysk của Nga trên Biển Đen, ông lớn dầu khí Mỹ cho biết sau khi một cuộc tấn công của Ukraine làm hư hại cơ sở hạ tầng của CPC vào cuối tuần qua.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận mức giảm nhẹ trong tuần, sau đợt tăng mạnh của tuần trước được coi là đã chạm đỉnh. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc giảm xuống mức WS 136. Tuy vậy, dự kiến mức cước sẽ cải thiện trong tuần tới do tiếp tục chịu sự tác động của xu hướng theo mùa.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	136.843	130.984	↓
	USG/Trung Quốc	94.010	98.820	↑
Phân khúc tàu Suezmax	Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi có xu hướng giảm trong tuần, khi lượng hàng nội khu có phần trầm lắng, cước trên tuyến Niegria/UKC giảm xuống mức WS 150. Dù vậy, mức cước giảm bởi diễn biến tích cực của phân khúc lớn hơn. Theo đó, cước trên tuyến Trung Đông/Địa Trung Hải cũng giảm nhẹ xuống mức WS 111.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi / Cont	77.101	75.769	↓
	Guyana / UKC	76.750	72.491	↓
Phân khúc tàu Aframax	Theo đánh giá, phân khúc Aframax tại thị trường Trung Đông tiếp tục ghi nhận xu hướng khá tích cực, được hỗ trợ bởi tình trạng thiếu hụt tàu có sẵn kéo dài. Khu vực Địa Trung Hải cũng duy trì trạng thái lạc quan, cước trên tuyến Ceyhan/Lavera tăng lên mức WS 187.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	65.100	70.531	↑
	Med / Med	55.151	58.592	↑
	USG / Cont	58.931	59.674	↑
	EC Mex / USG	58.709	57.857	↓

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

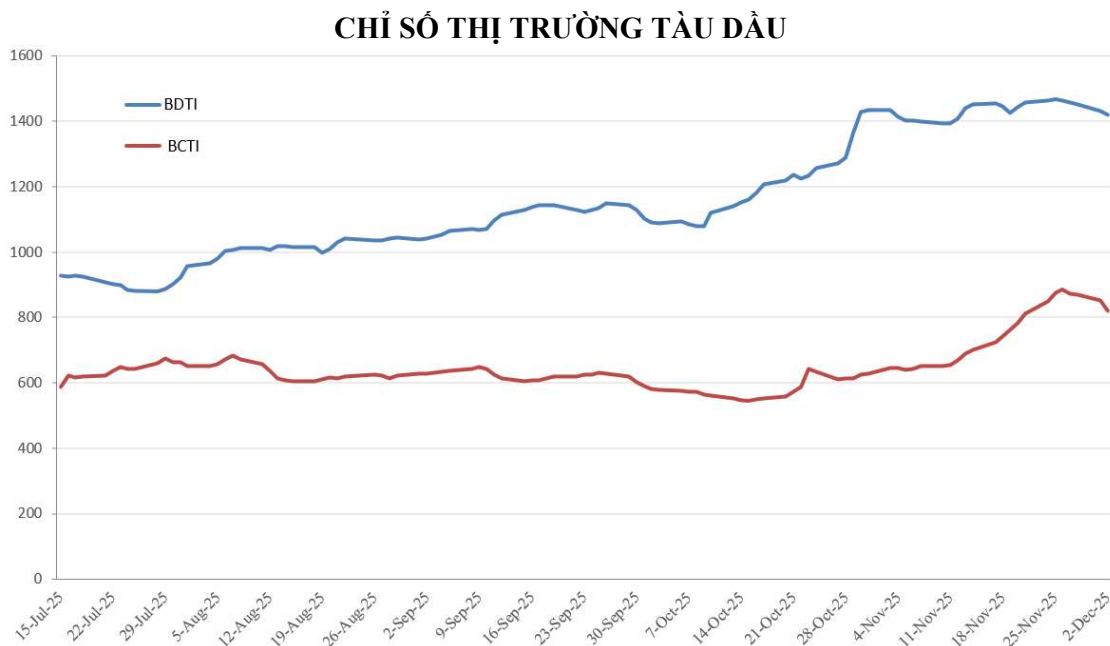
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường MR nhìn chung khá ổn định trong tuần, với số lượng tàu có sẵn rất hạn chế giúp giữ mức cước trên tuyến TA loanh quanh mức WS 170 và ghi nhận các lô hàng Naphtha đã được đẩy giá lên cao hơn đôi chút. Tuy nhiên, đến cuối tuần mức độ giao dịch giảm đáng kể. Ghi nhận cước

trên tuyến Med/TA hiện đang được ký kết quanh mức WS 160. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Med/UKC đang mức cao hơn tuyến TA từ 10-20 điểm, trong khi tuyến Tây Phi chốt lại ở mức WS 125. Thị trường tàu Handy tại khu vực Địa Trung Hải ghi nhận diễn biến đối lập nhau. Vào đầu tuần duy trì tâm lý vững chắc, khi cước trên tuyến x-Med tăng lên mức WS 260 và có một giao dịch đã chốt ở mức WS 267.5 thậm chí được lặp lại nhiều lần. Tuy nhiên, từ sau đó các hoạt động của người thuê tàu bắt đầu chững lại và thị trường dần trầm lắng hơn. Dù số lượng tàu vẫn ít ỏi nhưng thị trường hiện đã hạ nhiệt và mức cước đã điều chỉnh xuống khoảng WS 240. Trước đó, có nhiều báo cáo cho rằng cước của tuyến Algeria/EU Med có thể tăng lên mức WS 300 trong tuần này, các nhà thuê tàu có thể xem như đã “ghìm” thị trường lại khá thành công.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Theo ghi nhận, thị trường Châu Á tiếp tục xu hướng trầm lắng kéo dài. Khu vực Đông Nam Á vẫn rất ảm đạm, khi các lô hàng BTX, Methanol, baseoil và dung môi đều ghi nhận các hoạt động có phần ảm đạm. Ngược lại, nhu cầu dầu cọ từ người mua Ấn Độ tăng nhẹ, tạo chút động lực cho thị trường với mức cước 35 đô la Mỹ/tấn cho các tuyến đi WCI được cố định và lặp lại. Hoạt động trong tháng 12 dự kiến duy trì tình hình này do thuế xuất khẩu kỳ vọng tăng vào tháng 1. Bên cạnh đó, các giao dịch đi hướng phía nam duy trì sự ổn định, trong bối cảnh số lượng tàu có sẵn hiện đang thắt chặt do thời tiết xấu. Tiếp theo, các lô hàng hóa chất cơ bản đi Ấn Độ vẫn đều đặn, nhưng xuất khẩu Axit Sulphuric có phần giảm bớt, ngoại trừ một số lô hàng thay thế và các lô hàng nhỏ nội khu vực. Bên cạnh đó, Chile gần như đã không nhập khẩu axit từ Viễn Đông trong những tháng gần đây, kể cả các lô 30.000 tấn. Do vậy, thời điểm hiện tại khu vực ECI đang là tuyến đường dài với mức cước khoảng 41 – 42 đô la Mỹ/tấn.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 48/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 47/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	60,000	48,000	45,000	55,500	47,000	45,000
SUEZMAX	44,000	36,000	32,000	43,500	36,000	32,000
AFRAMAX	36,000	31,500	28,500	35,000	30,500	28,500
LR-2	37,000	32,000	29,000	34,000	29,500	28,500
LR-1	25,500	23,500	22,000	25,000	23,500	22,000
MR	24,000	21,000	18,500	23,000	21,500	19,000
HANDY	19,000	17,500	17,000	19,000	17,500	17,000



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	400		420		430	
2	Bangladesh	410		430		440	
3	India	380		400		410	
4	Turkey	260		270		280	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 48/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Seapeak Asia	LNG	2003	29,686	-	420.00	77,213	As is Oman, abt 880 tons bunkers included
Bold Mariner	Bulker	1996	7,507	Bangladesh	430.00	45,674	
Ziyulan	Passenger	1995	7,542	Bangladesh	-	6,512	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.